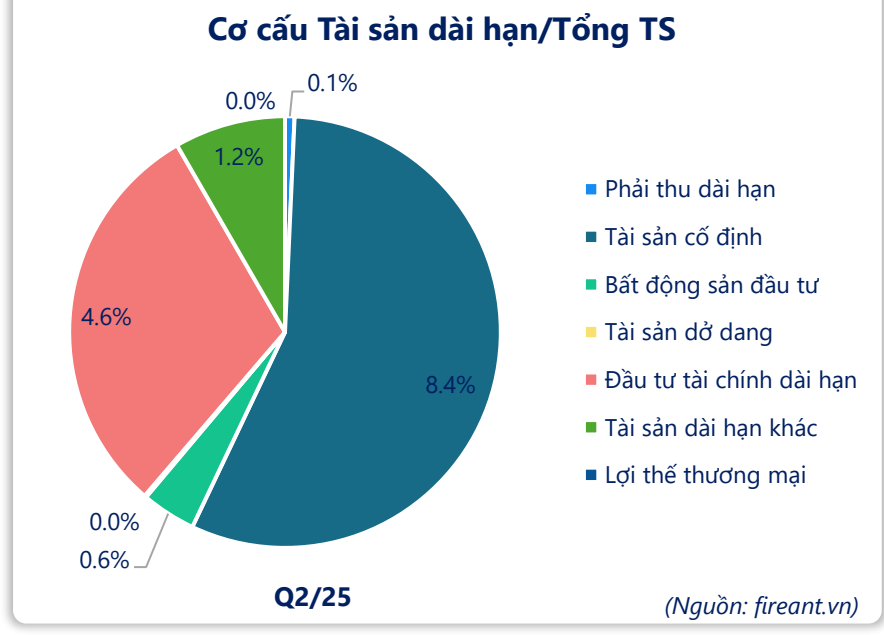
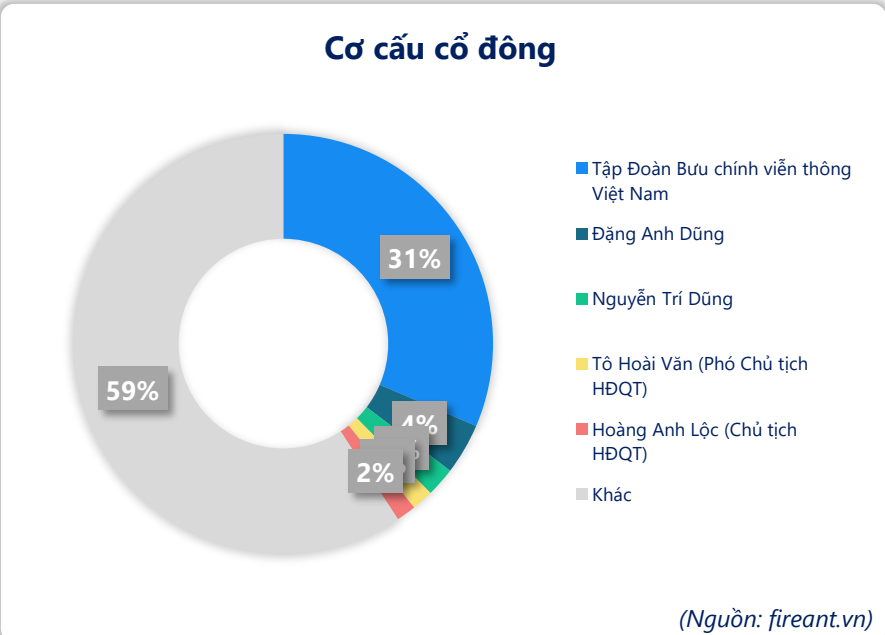
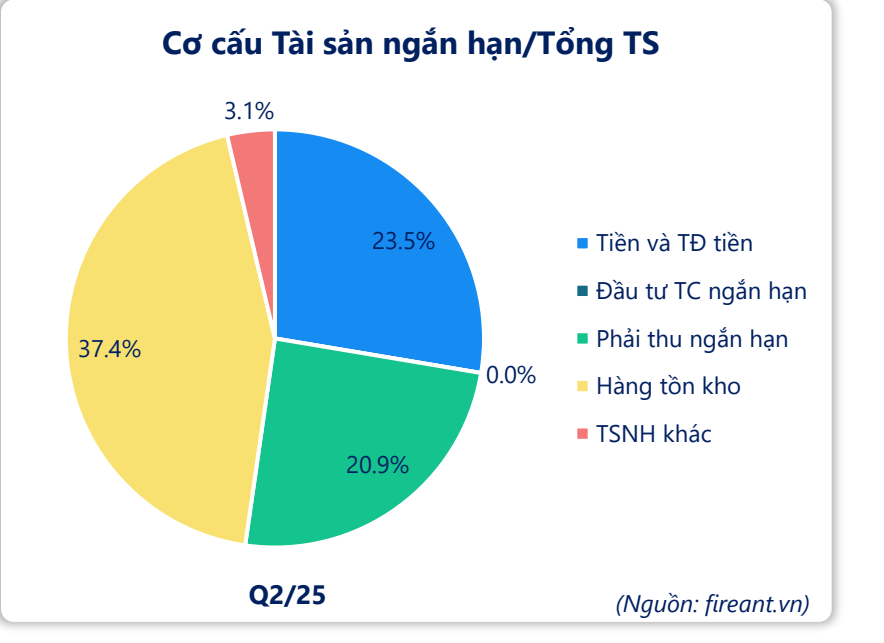
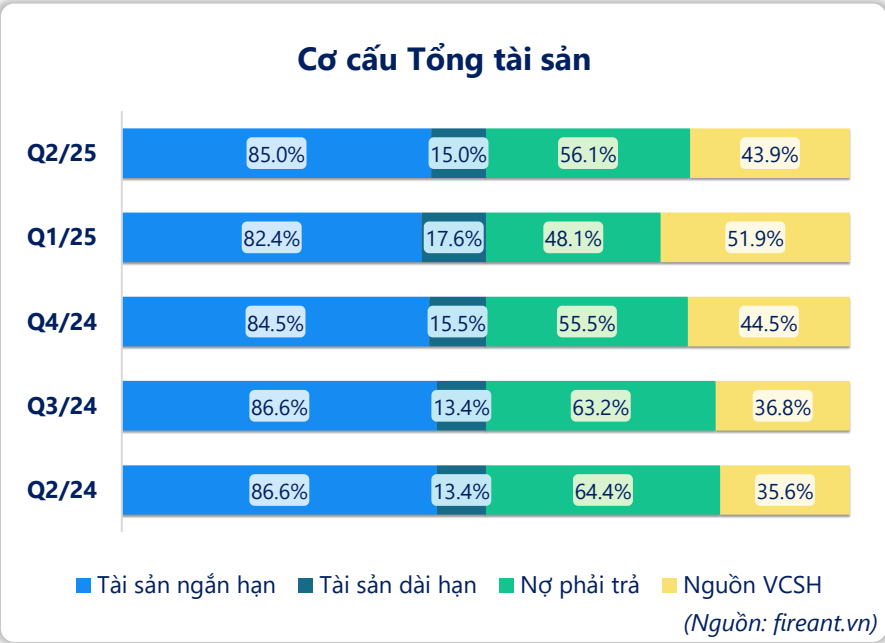
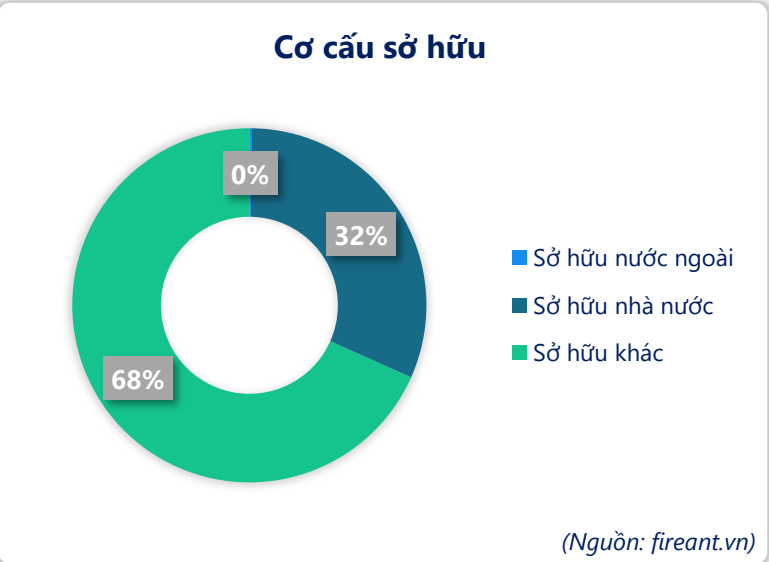
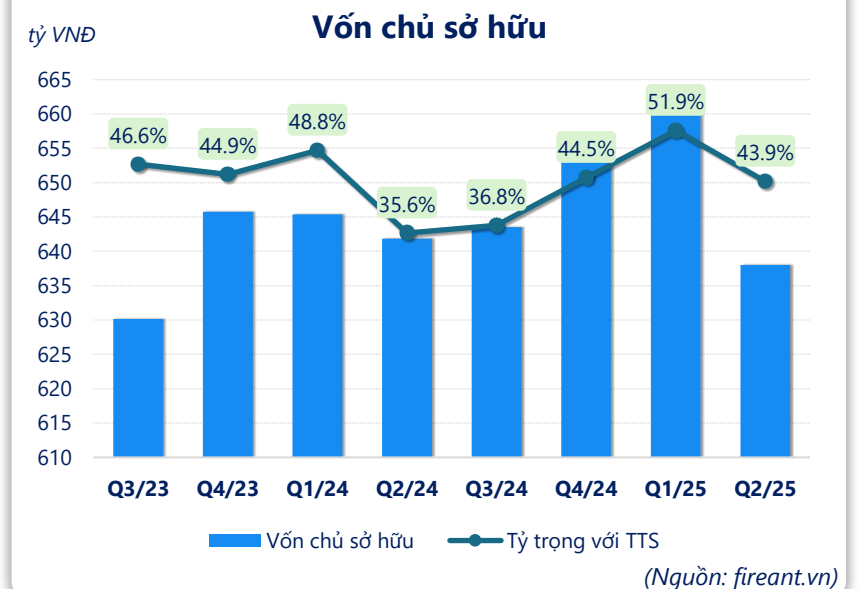
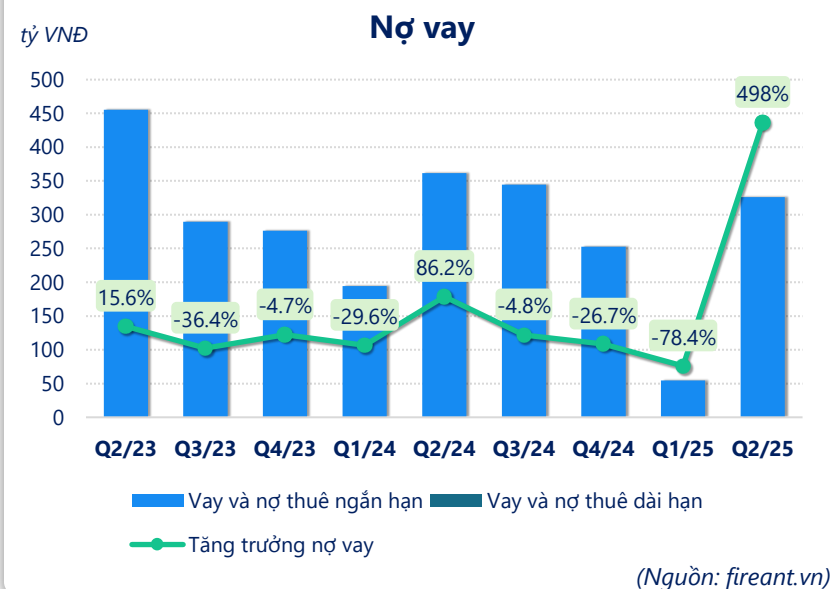
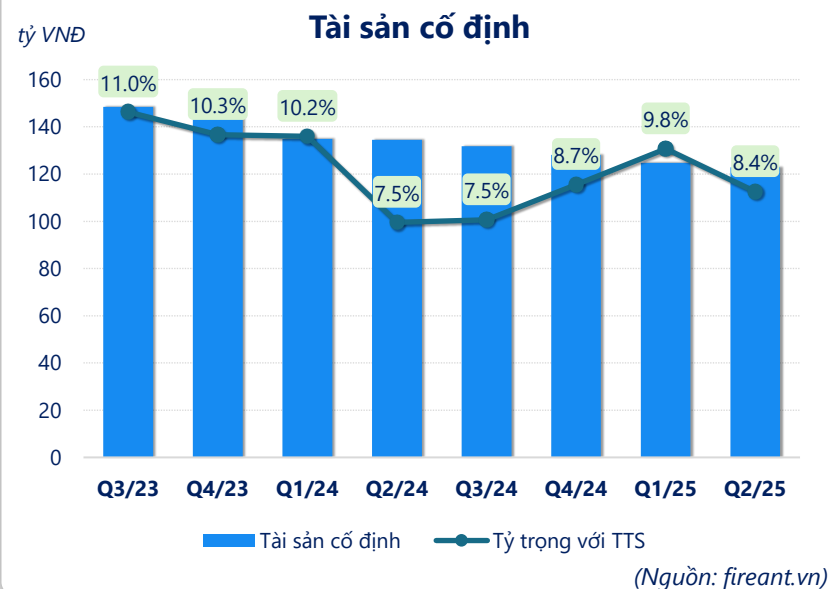
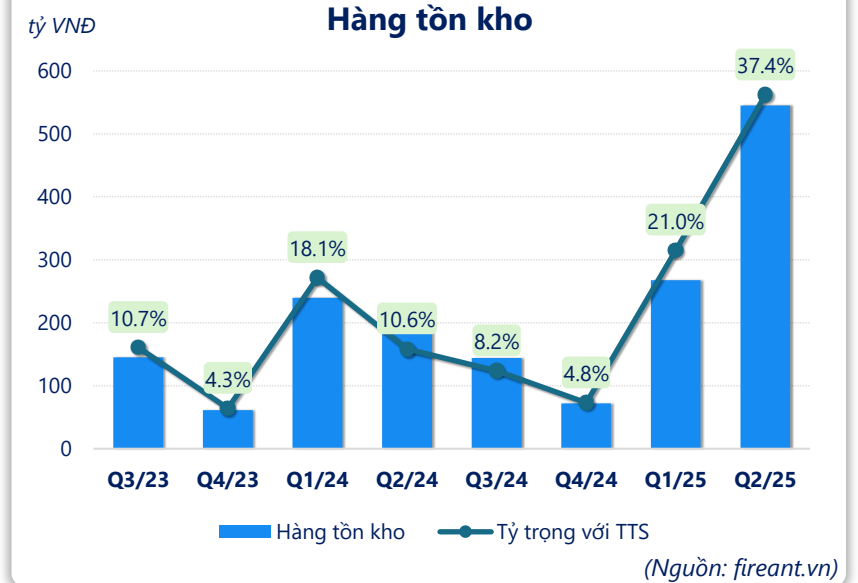
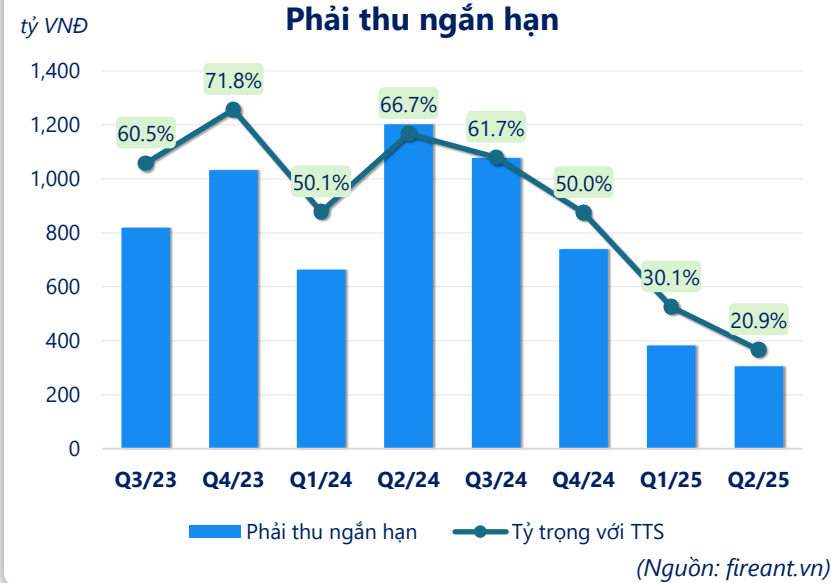
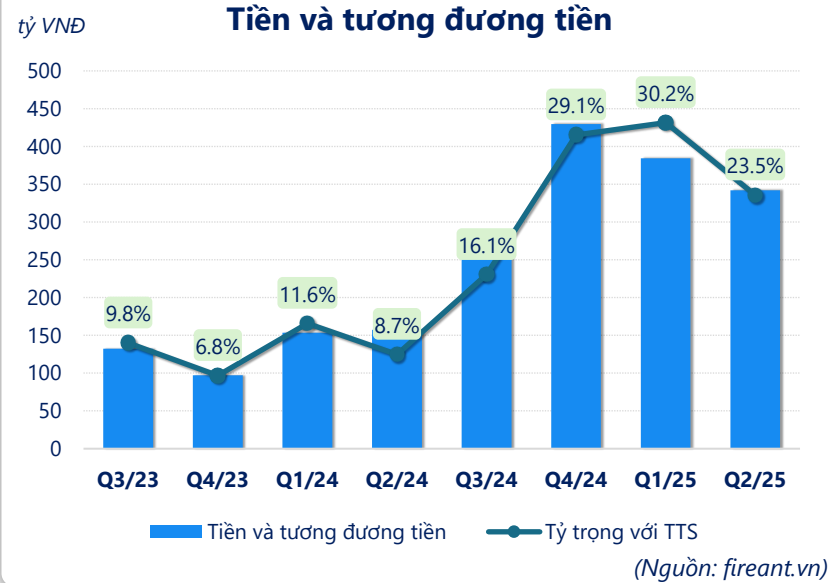
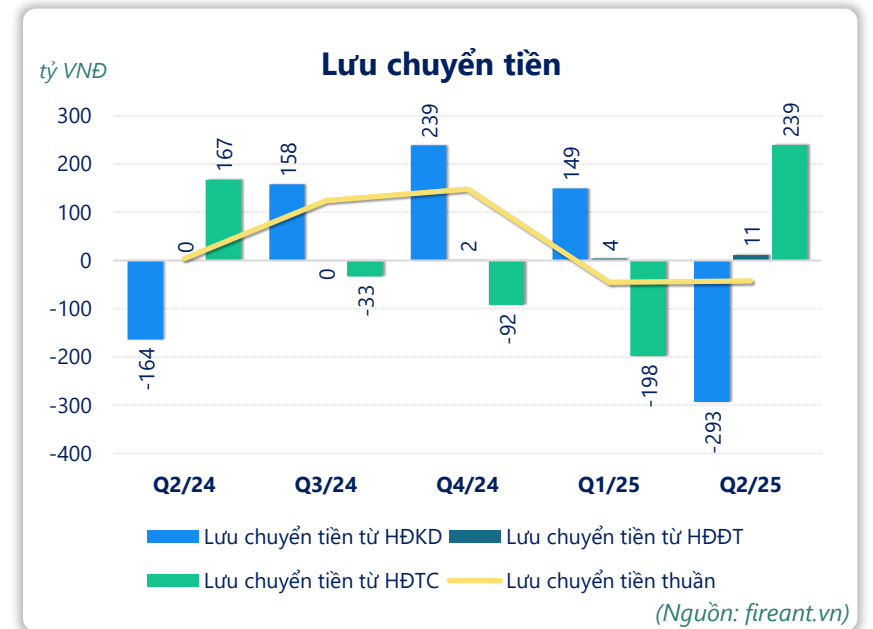
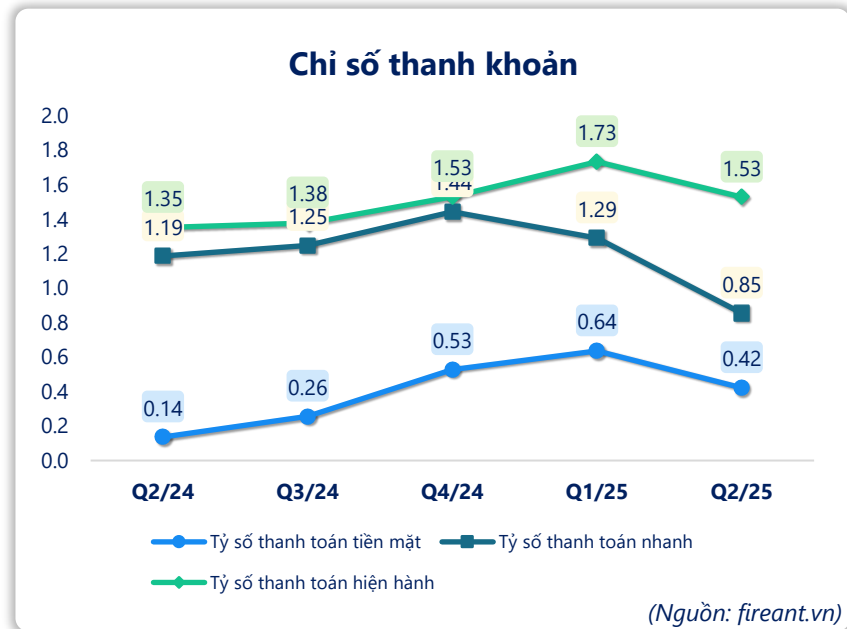
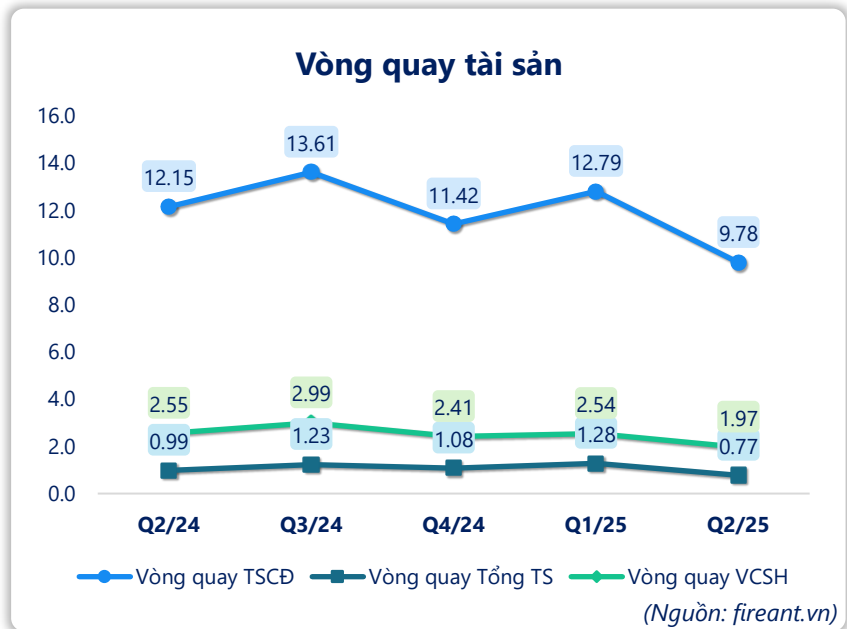
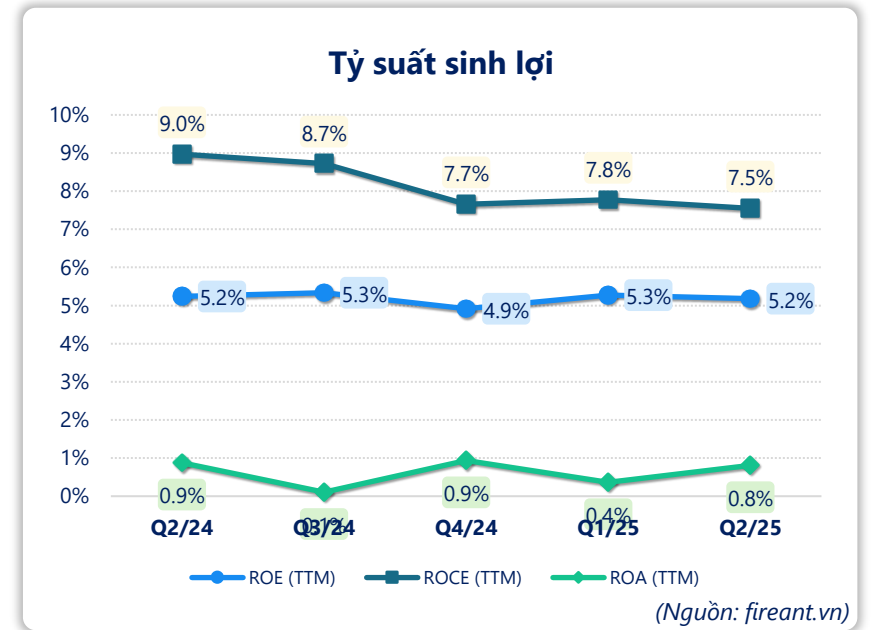
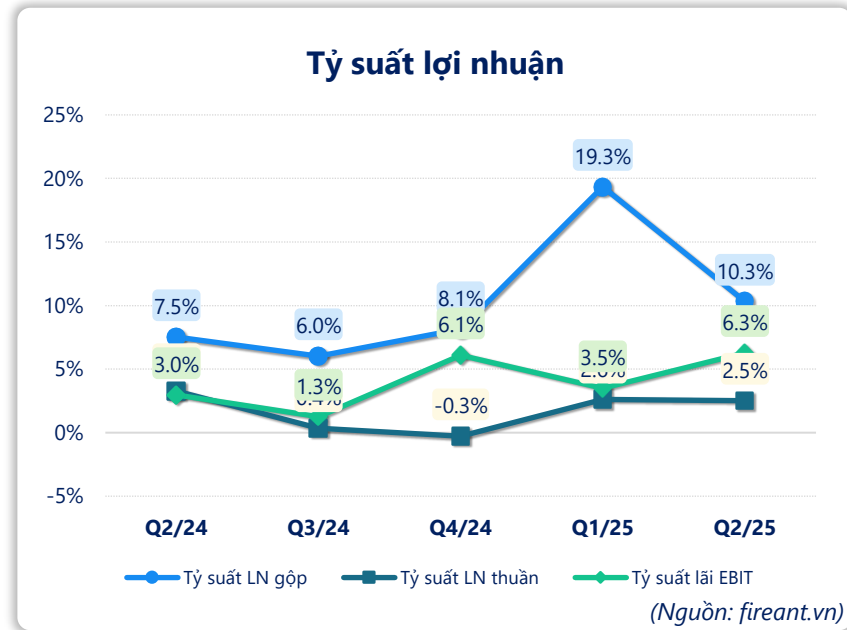
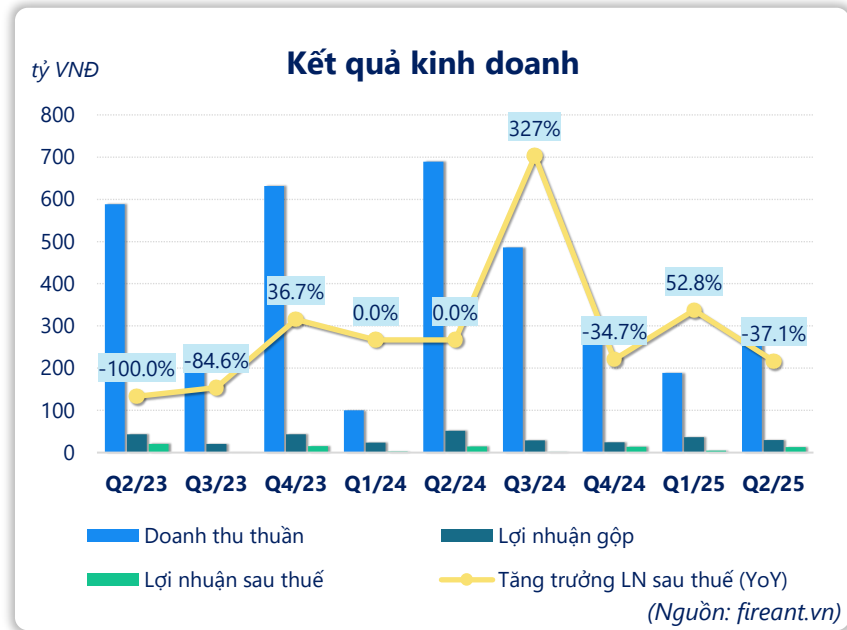


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,106
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,487
SL cổ phiếu LH		32,185,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		38,095
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		396
P/E		11.9
EPS		1,030

	YTD	1T	3T	6T
ICT	-2.9%	-4.3%	-2.5%	-5.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,455	1,475	-1.4%
Tài sản ngắn hạn	1,237	1,245	-0.6%
Tiền và tương đương tiền	342	430	-20.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	305	736	-58.6%
Hàng tồn kho	545	71.4	663%
Tài sản ngắn hạn khác	45.6	7.19	533%
Tài sản dài hạn	218	231	-5.6%
Phải thu dài hạn	1.55	1.55	0.0%
Tài sản cố định	123	128	-4.2%
Bất động sản đầu tư	8.86	9.21	-3.8%
Tài sản dở dang	0.33	8.41	-96.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	66.2	66.4	-0.3%
Tài sản dài hạn khác	18.2	17.0	6.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	817	819	-0.3%
Nợ ngắn hạn	810	814	-0.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	326	253	29.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	270	402	-32.9%
Nợ dài hạn	7.05	5.46	29.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	638	656	-2.8%
Vốn chủ sở hữu	638	656	-2.8%
Vốn điều lệ	322	322	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	689	486	297	189	287
Giá vốn hàng bán	637	457	273	152	257
Lợi nhuận gộp	51.8	29.3	24.2	36.5	29.5
Doanh thu HĐTC	3.93	1.52	18.9	4.52	4.19
Chi phí TC	6.23	5.08	7.24	12.0	-2.17
Chi phí lãi vay	2.66	4.00	2.53	1.02	2.77
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	14.8	12.5	17.8	12.7	14.8
Chi phí QLDN	12.1	11.5	18.9	11.4	13.8
LN thuần từ HĐKD	22.5	1.74	-0.83	4.93	7.23
Lợi nhuận khác	-4.84	0.37	16.4	0.66	7.99
LN trước thuế	17.7	2.11	15.6	5.59	15.2
Lợi nhuận sau thuế	14.4	1.64	13.7	4.70	13.2
LNST của CĐ cty mẹ	14.4	1.64	13.7	4.70	13.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-164	158	239	149	-293
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.05	-0.30	1.63	3.95	11.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	167	-33.2	-92.1	-198	239
Tiền đầu kỳ	154	157	282	430	384
Lưu chuyển tiền thuần	3.78	124	148	-45.2	-42.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.01
Tiền cuối kỳ	157	282	430	384	342

(Nguồn: fireant.vn)